

Số: 2781 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 07 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án hỗ trợ tự chuyển đổi nghề, tạo việc làm và hỗ trợ đặc biệt cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội và dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay (trước đây là dự án Khu khách sạn và nghỉ dưỡng Vĩnh Hội)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xác định lại giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến - Đê Gi, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;*

*Theo Văn bản số 5003/UBND-TH ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh về việc chủ trương giải quyết vướng mắc, tồn tại trong công tác bồi thường, GPMB các dự án: Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội và Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 100/TTr-BQL ngày 21/7/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án hỗ trợ tự chuyển đổi nghề, tạo việc làm và hỗ trợ đặc biệt cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội và dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay (trước đây là dự án Khu khách sạn và nghỉ dưỡng Vĩnh Hội), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **7.972.016.419 đồng** (Bảy tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu, không trăm mười sáu nghìn, bốn trăm mười chín đồng), trong đó:

- Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề, tạo việc làm: 2.946.956.350 đồng.
- Giá trị hỗ trợ đặc biệt: 4.868.746.022 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 156.314.047 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

*(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

*(Chữ ký)*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ TỰ CHUYÊN ĐỔI NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM VÀ HỖ TRỢ ĐẶC BIỆT CHO CÁC HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ VĨNH HỘI VÀ KHU NGHỈ DƯỠNG CÁO CẤP CÁT HẢI BAY (TRƯỚC ĐÂY LÀ DỰ ÁN KHU KHÁCH SẠN VÀ NGHỈ DƯỠNG VĨNH HỘI)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất đã tính hỗ trợ đường ven biển ĐT 639 (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Giá trị hỗ trợ tự chuyên đổi nghề và tạo việc làm theo Chính sách hiện hành; đơn giá năm 2020 (1)	Giá trị các khoản hỗ trợ hộ đã nhận (2)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ tự chuyên đổi nghề và tạo việc làm cho 22/35 hộ chưa được tính hỗ trợ tự chuyên đổi nghề và tạo việc làm năm 2008 - 2009</b>						<b>2.946.956.350</b>
1	Nguyễn Công Bình	656,80	187,10	469,70	126.819.000	3.306.920	123.512.080
2	Nguyễn Văn Bình, con Nguyễn Trung Hiếu	568,80	60,30	508,50	137.295.000	3.075.120	134.219.880
3	Bùi Xuân Thành	593,00	0,00	593,00	160.110.000	2.943.720	157.166.280
4	Hồ Thị Lễ	435,80	104,00	331,80	89.586.000	2.250.560	87.335.440
5	Lê Thị Đánh, con Trần Ngọc Huynh	448,00	0,00	448,00	120.960.000	3.463.200	117.496.800
6	Mai Hữu Phước	691,00	0,00	691,00	186.570.000	4.329.000	182.241.000
7	Nguyễn Văn Chánh, con Nguyễn Hữu Phúc	554,00	0,00	554,00	149.580.000	4.415.580	145.164.420
8	Phạm Đồng	590,00	0,00	590,00	159.300.000	4.675.320	154.624.680

STT	Hộ dân	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất đã tính hỗ trợ đường ven biển ĐT 639 (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo Chính sách hiện hành; đơn giá năm 2020 (1)	Giá trị các khoản hỗ trợ hộ đã nhận (2)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
9	Trần Đồng (Chết) vợ Nguyễn Thị Thạnh	1.004,00	0,00	1.004,00	271.080.000	7.272.720	263.807.280
10	Trần Văn Hoàng	375,80	0,00	375,80	101.466.000	2.857.140	98.608.860
11	Lê Kim Thanh	336,70	82,70	254,00	68.580.000	2.183.900	66.396.100
12	Nguyễn Văn Thành (Chết) vợ Trần Thị Sánh, con Nguyễn Thị Nhung Như	794,70	0,00	794,70	214.569.000	6.493.500	208.075.500
13	Nguyễn Hoà, con Nguyễn Thế Thao	1.166,30	285,10	881,20	237.924.000	10.089.640	227.834.360
14	Nông Hoa	435,00	0,00	435,00	117.450.000	3.766.230	113.683.770
15	Phạm Thị Phán (Chết) con Trình Thị Gái và Huỳnh Văn Khoa	358,00	0,00	358,00	96.660.000	2.597.400	94.062.600
16	Võ Ngọc Lân	680,10	0,00	680,10	183.627.000	5.021.640	178.605.360
17	Võ Thị Chước, con Nguyễn Thành Quý	376,30	0,00	376,30	101.601.000	3.030.300	98.570.700
18	Trần Văn Trí	467,00	0,00	467,00	126.090.000	3.463.200	122.626.800
19	Nông Hòa, con Nông Thanh Mai Trần Văn Minh (Chết), con Trần Dũng Hoàng	575,20	0,00	575,20	155.304.000	7.994.800	147.309.200

STT	Hộ dân	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất đã tính hỗ trợ đường ven biển ĐT 639 (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )	Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo Chính sách hiện hành; đơn giá năm 2020 (1)	Giá trị các khoản hỗ trợ hộ đã nhận (2)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
20	Võ Hữu Đức	429,35	0,00	429,35	115.924.500	3.116.880	112.807.620
21	Lê Văn Ba	429,35	0,00	429,35	115.924.500	3.116.880	112.807.620
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ đặc biệt cho 13/35 hộ đã được tính hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm năm 2008 - 2009</b>						<b>4.868.746.022</b>
1	Nguyễn Chận (Chết) con: Nguyễn Hồng Sơn	487,20	301,90	185,30	50.031.000	1.953.700	48.077.300
2	Ngô Thị Lùn, con Võ Kế Hùng	773,70	346,00	427,70	115.479.000	4.070.860	111.408.140
3	Nguyễn Đức Hùng, con: Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Thị Sinh	1.479,00	0,00	1.479,00	399.330.000	25.320.160	374.009.840
4	Nguyễn Lý (Chết) con Nguyễn Văn Tám	625,60	0,00	625,60	168.912.000	6.782.680	162.129.320
5	Trần Sanh Thành	1.243,00	0,00	1.243,00	335.610.000	17.404.320	318.205.680
6	Mai Văn Chương	413,20	106,60	306,60	82.782.000	6.130.200	76.651.800
7	Lê Thị Bằng	398,00	0,00	398,00	107.460.000	5.657.140	101.802.860
8	Lê Văn Mười	1.017,00	464,90	552,10	149.067.000	5.034.800	144.032.200
9	Nguyễn Đắc Hạnh (Chết) vợ Nguyễn Thị Định	922,10	0,00	922,10	248.967.000	8.860.600	240.106.400
10	Nguyễn Xuân Thành (Chết); con Nguyễn Xuân Phong	810,40	30,10	780,30	210.681.000	13.101.680	197.579.320
11	Trần Bá (Chết) vợ Lê Thị Bốn	585,20	0,00	585,20	158.004.000	10.102.160	147.901.840

STT	Hộ dân	Diện tích đất thu hồi ( $m^2$ )	Diện tích đất đã tính hỗ trợ đường ven biển ĐT 639 ( $m^2$ )	Diện tích còn lại ( $m^2$ )	Giá trị hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo Chính sách hiện hành; đơn giá năm 2020 (1)	Giá trị các khoản hỗ trợ hộ đã nhận (2)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
12	Võ Thị Nho	684,50	0,00	684,50	184.815.000	7.042.420	177.772.580
13	Đỗ Ngọc Hưng	31.678,00	8.400,80	23.277,20	2.798.074.500	29.005.758	2.769.068.742
<b>A</b>	<b>Tổng giá trị hỗ trợ (I) + (II)</b>						<b>7.815.702.372</b>
<b>B</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%)</b>						<b>156.314.047</b>
<b>C</b>	<b>Tổng cộng (A) + (B)</b>						<b>7.972.016.419</b>